

Số: /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ Quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất;

Căn cứ công văn số 603/UBND-NN&TNMT ngày 11/3/2019 của UBND tỉnh Hà Nam về việc thực hiện Đề án điều tra, khoanh định các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và lập bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Đề cương dự toán Đề án khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Căn cứ văn bản số 2540/TNN-NDĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Cục Quản lý Tài nguyên nước về việc góp ý đề án khoanh định vùng hạn chế nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam tại Tờ trình số 13/TTr-STNMT ngày 13 tháng 11 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất (*chi tiết tại phụ lục kèm theo*) và Bản đồ khoanh vùng hạn chế khai thác nước dưới đất tỷ lệ 1/50.000 (*Có bản đồ kèm theo*) trên địa bàn tỉnh Hà Nam, cụ thể như sau:

- Vùng hạn chế 1: Bao gồm 413 khu vực, phạm vi khoanh định các vùng Hạn chế 1 các khu vực đã từng xảy ra sự cố sụt, lún đất, biến dạng địa hình; Khu vực có bãi chôn lấp chất thải rắn tập trung; Khu vực có nghĩa trang tập trung hoặc các khu vực có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước dưới đất và phạm vi liền kề với các khu vực này với tổng diện tích là 573,38 km².

(Phụ lục 1: Danh mục vùng hạn chế 1)

- Vùng hạn chế 3: Bao gồm 50 khu vực là phạm vi khu dân cư, khu công nghiệp tập trung đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước với tổng diện tích là 22,37 km².

(Phụ lục 2: Danh mục vùng hạn chế 3)

- Vùng hạn chế hỗn hợp: Bao gồm 108 khu vực là phần chồng lấn của vùng Hạn chế 1 với vùng hạn chế 3, tổng diện tích vùng này là 122,79 km².

(Phụ lục 3: Danh mục vùng hạn chế hỗn hợp)

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các nội dung sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a. Tổ chức công bố Danh mục và Bản đồ khoanh vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

b. Thực hiện Điều 13 Nghị định số 167/2018/NĐ-CP của Chính phủ về Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất;

c. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tổ chức triển khai thực hiện Danh mục các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất thuộc địa bàn quản lý;

d. Định kỳ năm (05) năm một lần hoặc trong trường hợp cần thiết, thực hiện việc rà soát, trình UBND tỉnh điều chỉnh Danh mục các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam cho phù hợp với thực tiễn.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm tổng hợp tình hình khai thác sử dụng nước dưới đất trên địa bàn quản lý; thường xuyên thực hiện rà soát, đề xuất điều chỉnh bổ sung Danh mục các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất thuộc địa bàn quản lý cho phù hợp với tình hình thực tiễn, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
 - Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
 - Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Đoàn ĐBQH tỉnh Hà Nam;
 - Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, NN-TN&MT (1) .
- T/QĐ/N/2020.11.1

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Vượng

